

Bản án số: 19/2020/HNGĐ - ST
Ngày 08-9-2020
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Cường.

2. Bà Trần Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Tất – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2020/TLST – HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hoàng Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Dương Văn T trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 25-5-2016 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh T ở thôn N, xã Đ, huyện K đến khoảng tháng 8-2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường

xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau và đánh nhau. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Do vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên cuối tháng 8-2018 chị đã mang con về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn P, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam sinh sống, anh chị li thân nhau từ đó đến nay không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Dương Văn T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Dương Văn T, đồng thời nhiều lần triệu tập anh T đến trụ sở Tòa án để giải quyết về việc chị H xin ly hôn anh, nhưng anh T đều cố tình vắng mặt. Tòa án đã đến tận nhà anh T tại thôn N, xã Đ, huyện K để xác minh và được ông Dương Văn H là bố đẻ anh T cung cấp: Anh T và chị H được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 25-5-2016. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình ông ở thôn N, xã Đ, huyện K đến khoảng tháng 8-2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh chị mâu thuẫn theo gia đình được biết là do anh chị bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Đến cuối tháng 8-2018 chị H tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống cho đến nay không về chung sống cùng anh T lần nào nữa. Ông H khẳng định anh T đi làm nghề mộc, thỉnh thoảng anh T về nhà rồi lại đi làm. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập của Tòa án đối với anh T, ngay sau mỗi lần nhận ông đều thông báo trực tiếp cho anh T biết. Tuy nhiên, anh T có đến Tòa án làm việc hay không thì ông không nắm được.

Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng cũng đã tiến hành làm việc với chính quyền địa phương xã Đ, huyện K và được chính quyền địa phương cung cấp: Anh Dương Văn T là công dân có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Đ, huyện K và vẫn thường xuyên có mặt tại địa phương. Theo địa phương được biết, việc mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh T xảy ra là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh, cãi chửi nhau. Từ khoảng tháng 9-2018 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã L, huyện K sinh sống, từ đó đến nay địa phương không thấy chị quay về chung sống với anh T nữa. Nay địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng anh chị có một con chung tên là Dương Như Q, sinh ngày 29-8-2014, hiện nay đang ở với chị. Chị xin được nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: Chị H xác định không có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai ban đầu, chị H yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là 01 xe máy Arblade màu đen biển số 90B2-72797, 01 cây vàng 999,9 (đều do anh T đang quản lí), 05 chỉ vàng 999,9 (do chị đang quản lí) và 04 chỉ vàng 999,9 là tài sản riêng của chị (do anh T đang quản lí). Tuy nhiên, ngày 16-7-2020 chị H có đơn xin rút yêu cầu phân chia tài sản chung và tài sản riêng nêu trên.

Về công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng là chị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; riêng anh T không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, cố tình vắng mặt gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Xử lý hôn giữa chị Hoàng Thị H và anh Dương Văn T. Về con chung: Giao cháu Dương Như Q, sinh ngày 29-8-2014 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của chị H. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và tài sản riêng của chị H. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn là anh Dương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lí do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị H và anh Dương Văn T là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 25-5-2016 tại UBND xã Đ,

huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến khoảng tháng 8-2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng chung sống với nhau khi tuổi còn trẻ nên chưa hiểu hết về cách ứng xử trong cuộc sống vợ chồng, thường xuyên bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, đánh, cãi chửi nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn anh T; còn anh T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình không đến Tòa để giải quyết việc ly hôn. Theo xác minh tại địa phương và người thân của anh T thì mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh T xảy ra là thực tế, mặc dù đã được chính quyền, đoàn thể địa phương và gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, từ tháng 9-2018 đến nay anh chị li thân nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống, tình cảm của nhau nữa. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho chị H được ly hôn anh T là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị H và anh T có một con chung tên là Dương Như Q, sinh ngày 29-8-2014, hiện nay đang ở với chị H. Xét thấy từ khi anh chị li thân nhau đến nay cháu Q đều ở cùng với chị H và được chị nuôi dưỡng, chăm sóc ổn định; ngoài ra bản thân chị H đang làm tại Công ty TNHH TDS Việt Nam, có thu nhập ổn định, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cho chị được quyền nuôi dưỡng cháu Q, anh T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung; tài sản riêng*: Chị H xác định có tài sản chung của vợ chồng là 01 xe máy Arblade màu đen biển số 90B2-72797, 01 cây vàng 999,9 (đều do anh T đang quản lý), 05 chỉ vàng 999,9 (do chị đang quản lý) và 04 chỉ vàng 999,9 là tài sản riêng của chị (do anh T đang quản lý). Nay chị xin rút yêu cầu chia tài sản chung và tài sản riêng, vì vậy Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung và tài sản riêng của chị H, không xem xét giải quyết ở vụ án này. Nếu sau này đương sự có yêu cầu chia tài sản chung và tài sản riêng của vợ chồng thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[5] *Về con riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp*: Chị H xác định vợ chồng không có nên chị không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền tạm ứng án phí phân chia tài sản chị H đã nộp, do chị rút yêu cầu nên sẽ trả lại cho chị.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị H và anh Dương Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Như Q, sinh ngày 29-8-2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.

Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Q.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và tài sản riêng của chị Hoàng Thị H.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vấn đề chia tài sản chung của vợ chồng và tài sản riêng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

4. Án phí:

- Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.885.000đ (hai triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004110 ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. (Chị H đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

- Hoàn trả lại cho chị Hoàng Thị H 2.585.000đ (hai triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004110 ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho chị H biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15

ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thạo

